完成句子或对话

Hoàn thành câu/ đoạn đối thoại sau

(dùng từ gợi ý trong ngoặc)

1. 每个人都对小时候有美好的回忆，
_____。（想起来）

2. _____，去西边的公共汽车应该在对面坐。（弄）

3. 这个箱子里都是杯子和盘子，
_____。（千万）

4. 记者总是需要到处调查，
_____。（来）

5. _____，我们还是坐地铁吧。（左右）

LIVEWORKSHEETS